TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2018.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Bà Lê Thị Một.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 524/2018/TLST-HNGĐ ngày 12-9-2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26-10-2018 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 65/QĐHPT-HNGĐ ngày 12-11-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thái Công L, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Số 51, đường PVĐ, khu phố M, thị trấn HT, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Nguyên P, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Số 130, đường VVT, khu phố M, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Thái Công L trình bày:

Anh và chị P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ với nhau. Nguyên nhân là vợ chồng không cùng chung quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gay gắt khi đầu năm 2018 đến cuối tháng 6-2018 chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung tên là Thái Công L1, sinh ngày 17-7-2015; Thái Phương N, sinh ngày 21-5-2017. Hiện nay cháu L1 đang chung sống cùng với anh, cháu N đang chung sống cùng chị P.

Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Công L1, đồng ý giao cháu Thái Phương N cho chị P nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại thu nhập của anh khoảng 20.000.000 đồng/tháng, thu nhập của chị P 5.000.000 đồng/tháng đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn chị Trần Thị Nguyên P vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-10-2018, bà Phùng Thị T là mẹ ruột của chị P có xác nhận anh L và chị P có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau nên chị P đưa con về nhà bà sinh sống. Bà đã thông báo và gởi các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị P. Bà có giao cho Tòa án 01 đơn trình bày ý kiến của chị P đề ngày 25-10-2018 có nội dung: Chị P đồng ý ly hôn với anh L. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thái Phương N, anh L nuôi dưỡng cháu Thái Công L1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Công L. Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa anh Thái Công L và chị Trần Thị Nguyên P.

Về con chung: Giao con chung Thái Công L1 cho anh Thái Công L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Thái Phương N cho chị Trần Thị Nguyên P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Thái Công L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Nguyên P trú tại phường 2, thành phố Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trần Thị Nguyên P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị P và anh L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TN được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo anh L trình bày anh và chị P chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, từ tháng 6-2018 cho đến nay đã sống ly thân, không thể đoàn tụ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị P đều vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa cho thấy chị không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị Pđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho anh L ly hôn với chị P theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Hiện nay cháu Thái Công L1, sinh ngày 17-7-2015 đang chung sống cùng anh L; cháu Thái Phương N, sinh ngày 21-5-2017 dưới 03 tuổi đang chung sống cùng chị P. Anh L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, đồng ý giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Do vậy xét về độ tuổi và giới tính cần giao cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp về mọi mặt. Anh L, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Công L đối với chị Trần Thị Nguyên P về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa anh Thái Công L đối với chị Trần Thị Nguyên P.

2. Về con chung: Giao con chung Thái Công L1, sinh ngày 17-7-2015 cho anh Thái Công L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Thái Phương N, sinh ngày 21-5-2017 cho chị Trần Thị Nguyên P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh L, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí**:** Anh Thái Công L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện anh đã nộp theo biên lai thu số 0005999 ngày 11-9-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- UBND P.2, Tp. Tây Ninh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Như Sơn